

BÁO CÁO

Thường niên năm 2022

- Kính gửi:**
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
 - Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM
 - Quý cổ đông Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303476454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004 cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 23/05/2022.
- Vốn điều lệ: **645.221.040.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **645.221.040.000 đồng**
- Địa chỉ: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM
- Điện thoại: (84.28) 62918483
- Số fax: (84.28) 62918489
- Website: www.saigonwater.com.vn
- Mã cổ phiếu: **SII**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân với tên gọi là CTCP Xây dựng Việt Thành – số ĐKKD là 4103002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2004, có trụ sở tại 115/7P Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp; vốn điều lệ ban đầu là 550 triệu đồng và hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng; dịch vụ cho thuê thiết bị và xây dựng các công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, công nghiệp...
- Ngày 27/10/2004, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 3 tỷ đồng và bổ sung thêm ngành nghề dịch vụ tư vấn về quản lý và giám sát thi công công trình.
- Ngày 09/01/2006, bổ sung thêm ngành kinh doanh: Tư vấn đầu tư, xây dựng; thiết kế

công trình giao thông; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; lập dự toán, tổng dự toán công trình; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.

- Ngày 25/06/2009, Công ty chuyển trụ sở về 211/4 Lê Văn Thọ, Phường 9, Q. Gò Vấp.
- Tháng 5/2010, đổi tên thành CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII JSC) với số vốn điều lệ đăng ký là 400 tỷ đồng, đồng thời chuyển trụ sở về số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.
- Tháng 5/2011, Công ty quyết định xây dựng chiến lược và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh chính “Ngành Hạ Tầng Môi Trường”.
- Ngày 22/08/2012, cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SII.
- Tháng 2/2013, thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water) để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Tháng 8/2013, Saigon Water ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Manila Water, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công từ 400 tỷ đồng, lên 583.7 tỷ đồng.
- Tháng 01/2017, Công ty chuyển trụ sở về 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11.
- Tháng 06/2017, Công ty phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công từ 583,7 tỷ đồng lên 645,16 tỷ đồng.
- Tháng 08/2020, Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ lên 645.221.040.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển – đo lường);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; giám sát thi công công trình);
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp;
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính).

Địa bàn kinh doanh

- Đối với hoạt động đầu tư hạ tầng nước, hiện Công ty vẫn đang tập trung đầu tư ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác như Lâm Đồng, Gia Lai.

- Đối với hoạt động dịch vụ kỹ thuật môi trường, địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Gia Lai và các tỉnh thành ở Miền Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

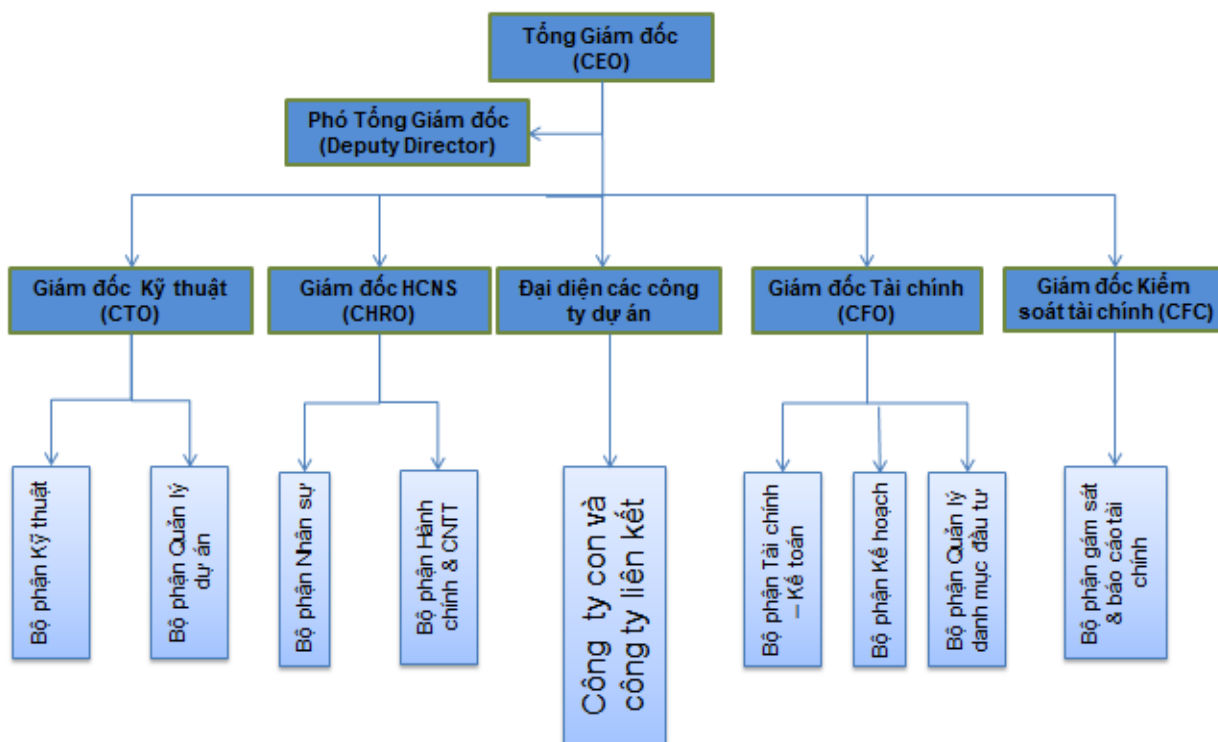
📌 Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Saigon Water được thực hiện theo Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022. Theo đó, trong các văn kiện vừa nêu có qui định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý của Công ty.

📌 Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty. Sơ đồ bộ máy tổ chức hoạt động của công ty như sau:

CƠ CẤU TỔ CHỨC BAN ĐIỀU HÀNH



📌 Các công ty con, công ty liên kết

Tại ngày 31/12/2022 công ty có năm (05) công ty con và ba (03) công ty liên kết, thông tin về các công ty con, công ty liên kết như sau:

Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Thành phố Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2	Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	Thành phố Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
3	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
4	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
5	Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật

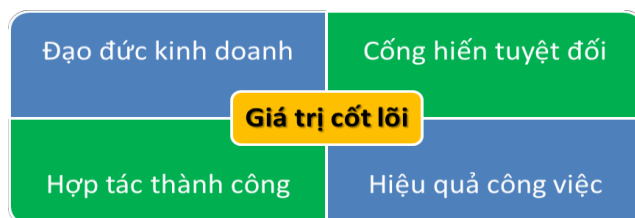
Các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Tỉnh Gia Lai	49%	49%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
3	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49%	49%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

5. Định hướng phát triển

Tầm nhìn

“Saigon Water sẽ sớm trở thành biểu tượng số 01 của nhà phát triển hạ tầng trong ngành công nghiệp nước sạch và nước thải tại Việt Nam, việc cung cấp các giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng của chúng tôi để tạo ra lợi nhuận bền vững cho Saigon Water”.



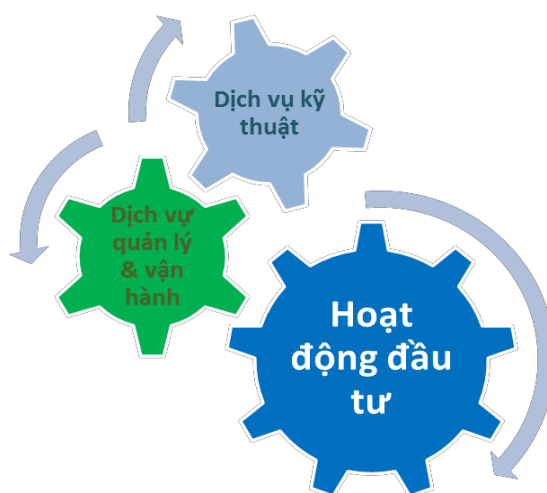
✚ Sứ mệnh

“Cống hiến cho cộng đồng ngành nước với giải pháp tổng thể và góp phần tạo dựng giá trị bền vững của Công ty”.

✚ Định hướng chiến lược phát triển

Tập trung vào 3 mảng kinh doanh cốt lõi:

- + Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước
- + Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước
- + Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước



❖ Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước (Investment)

- Xây dựng và phát triển các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đã xác định (tạo nguồn hàng)
- Tái cấu trúc các dự án đầu tư hiện hữu để chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tài chính
- Thoát vốn đầu tư cho các đối tác đầu tư chuyên ngành để tái đầu tư vào các dự án mới, vẫn duy trì một tỷ lệ sở hữu thích hợp để đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư bằng dịch vụ O&M.

❖ Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước

- Cùng đối tác chiến lược thúc đẩy sự hiện diện và tạo ảnh hưởng công nghệ đối với thị trường bằng giải pháp công nghệ và thiết bị chất lượng cao.

❖ Dịch vụ vận hành bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước

- Khai thác dịch vụ từ các dự án do Công ty và các đối tác đầu tư.
- Từng bước mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới.

🚧 Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.

Vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững. Cụ thể, trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo thông tin từ Cục hạ tầng Bộ Xây dựng, cư dân đô thị được cung cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 92%; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đã giảm nhưng vẫn ở mức 17,5%. Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, hiệu quả thấp. Ngoài ra, theo thông tin công bố vào tháng 3/2022 từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, thì “trung bình mỗi năm, trên địa bàn cả nước thải ra môi trường hơn 3.650 triệu mét khối nước thải sinh hoạt”; trong khi đó, “cả nước hiện mới xây dựng được 49 nhà máy xử lý nước thải đô thị tập trung với tổng công suất thiết kế 1.181.380 m³/ngày đêm. Hệ thống thoát nước trên toàn quốc đạt 60% nhưng tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý tại các đô thị rất thấp, chỉ đạt khoảng 15%, trong đó, tỷ lệ đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung mới đạt khoảng 21,35%”. Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải cũng là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Với khả năng và thế mạnh của mình, cũng như cơ hội của thị trường, Công ty có khả năng cung cấp các giải pháp tổng thể cho ngành (đầu tư, dịch vụ kỹ thuật, vận hành) và sẽ có được những “Giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng tạo nên lợi nhuận bền vững của doanh nghiệp”. Qua đó, “Cống hiến cho cộng đồng những công trình hạ tầng nước thông qua giải pháp tổng thể và mang lại cho doanh nghiệp các giá trị bền vững”.

6. Các rủi ro

🚧 Rủi ro đầu tư

Hiện nay hầu hết các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp có dự án thực hiện tại Việt Nam cho nên phải chịu sự điều chỉnh bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp của Việt Nam. Do ngành hạ tầng nước là ngành có tính địa phương cao, rủi ro về cơ chế chính sách cũng khác nhau ở từng địa phương. Việc đầu tư vào ngành nước cũng chịu rủi ro đến từ bản chất của ngành: đòi hỏi thời gian thu hồi vốn dài nên có thể cần khả năng quản lý nguồn vốn dài hạn để đầu tư dự án.

Hoạt động đầu tư của công ty có thể tăng trưởng và mở rộng trong nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt là danh mục đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng nước và các dịch vụ đô thị, môi trường và xã hội. Đây là xu hướng đầu tư chính của công ty theo đúng định hướng của Việt Nam hiện nay là sử dụng nguồn lực trong dân chúng để chia sẻ những khó khăn về tài chính của Chính phủ.

Định hướng phát triển của công ty là linh hoạt trong từng thời điểm phù hợp với những thay đổi về nền kinh tế, chính trị và những quy định hiện hành tại Việt Nam. Những chính sách kinh tế của Việt Nam có thể thay đổi, vì vậy việc lựa chọn đầu tư vào những dự án có tính an toàn cao luôn được ưu tiên hàng đầu đối với Công ty, đây cũng là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty cho sự phát triển kinh doanh và triển vọng của Công ty trong tương lai.

Rủi ro liên quan đến các chính sách tín dụng và lãi suất

Ngoài khoản đầu tư bằng vốn góp của các cổ đông, Công ty cũng sử dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Trong thời kỳ kinh tế biến động như hiện nay thì việc kiểm soát nền kinh tế đi đúng định hướng phát triển đất nước và để đảm bảo hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ sự vỡ nợ mất thanh khoản của các tổ chức tín dụng thì ngân hàng nhà nước đã đưa ra các quy định nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của tổ chức tín dụng một cách hợp lý. Lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 8%-9%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%- 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất ổn định và chính sách tín dụng mang tính hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế tư nhân đã tạo điều kiện cho triển khai chiến lược tài chính của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, và đại dịch v.v... là những rủi ro bất khả kháng ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là đối với các dự án mà Công ty tham gia đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	So với 2021	Kế hoạch 2022	So với kế hoạch
<i>Tổng sản lượng sản xuất/mua si (triệu m3)</i>	35,50	32,81	108%	28,39	125%
<i>Tổng sản lượng ghi thu (triệu m3)</i>	28,46	26,92	106%	22,54	126%
<i>Sản lượng ghi thu bq ngày (m3/ngày)</i>	77.979	73.747	106%	61.747	126%
<i>Giá bán bình quân (VND/m3)</i>	7.668	7.685	100%	8.216	93%
<i>Tỷ lệ thất thoát %</i>	19,8%	18,0%	110%	20,6%	96%
Tổng doanh thu hoạt động	290,16	295,25	98%	348,88	83%
Doanh thu nước	218,25	206,88	105%	185,18	118%
Doanh thu dịch vụ ngành nước	8,56	6,70	128%	4,60	186%
Doanh thu tài chính khác	56,82	78,83	72%	152,60	37%

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	So với 2021	Kế hoạch 2022	So với kế hoạch
Thu nhập khác	6,53	2,84	230%	6,50	100%
Tổng chi phí hoạt động	210,12	189,11	111%	177,49	118%
Chi phí trực tiếp	148,29	138,12	107%	118,08	126%
Chi phí gián tiếp	61,83	51,00	121%	59,41	104%
EBITDA	80,04	106,13	75%	171,39	47%
Khấu hao	88,57	94,44	94%	80,86	110%
Doanh thu tiền gửi, lãi cho vay	2,29	2,98	77%	2,76	83%
Lãi vay, chi phí tài chính khác	85,04	102,07	83%	68,95	123%
Chi phí khác	5,15	1,74	297%	-	
LN từ đầu tư vào công ty liên kết	78,16	74,51	105%	81,52	96%
Điều chỉnh hợp nhất	(72,53)	(56,98)	127%	(70,70)	103%
LN trước thuế	(90,81)	(71,60)	127%	35,17	-258%
Thuế TNDN	2,43	2,43	100%	2,33	104%
Thuế TNDN hoãn lại	(6,83)	4,15	-164%	-	
LN Sau Thuế	(86,41)	(78,19)	111%	32,83	-263%
LNST của cổ đông KKS	2,56	(4,69)	155%	4,01	64%
LNST của công ty mẹ	(88,97)	(73,50)	121%	28,83	-309%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cp)	(1.379)	(1.139)	121%	447	-309%

- Doanh thu nước tăng gần 11,4 tỷ đồng do sản lượng ghi thu tăng 6% so với năm trước. Doanh thu tài chính giảm mạnh do không ghi nhận doanh thu từ khoản tạm ứng cổ tức của Tân Hiệp vào tháng 12 như năm 2021. Tổng doanh thu hoạt động giảm 5 tỷ so với năm 2021. So với kế hoạch, do không thực hiện thoái vốn Saigon Dankia trong Quý 1 như kế hoạch nên sản lượng ghi thu và doanh thu nước đều cao hơn, nhưng ngược lại doanh thu tài chính từ thoái vốn lại thấp hơn so với mức kế hoạch.
- Chi phí trực tiếp tăng 10 tỷ chủ yếu là do chi phí nguyên vật liệu (mua nước si) của Dự án Củ Chi tăng gần 10 tỷ. Chi phí gián tiếp tăng gần 16 tỷ chủ yếu do chi phí trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi của công ty mẹ SII tăng hơn 14 tỷ. Chi phí tại các doanh nghiệp khác đều được kiểm soát và giữ ở mức ổn định so với năm 2021. Tổng chi phí hoạt động năm 2022 do đó tăng 26 tỷ đồng so với năm trước. Mức tổng chi phí thực hiện này cũng cao hơn kế hoạch gần 38 tỷ đồng, lý do chủ yếu là không thực hiện thoái vốn Saigon Dankia nên doanh thu và chi phí của Saigon Dankia vẫn được ghi nhận toàn bộ (chi phí gần 30 tỷ đồng).
- Do đó, EBITDA của năm 2022 giảm hơn 31 tỷ so với năm 2021, đồng thời thấp hơn 96 tỷ so với kế hoạch.
- Chi phí lãi vay giảm 17 tỷ đồng so với năm 2021 chủ yếu là do giảm số dư nợ vay. Mặt khác, chi phí lãi vay thực hiện năm 2022 cao hơn kế hoạch 16 tỷ chủ yếu do không thoái vốn Saigon Dankia nên không thể thanh toán bớt nợ vay theo kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế giảm hơn 15 tỷ so vốn năm 2021 và thấp hơn mức kế hoạch gần 118 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

Danh sách ban điều hành và tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2022:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	0,00%
2	John Walter E. Tendencia	Phó Tổng Giám đốc	0,00%
3	Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính – Nhân sự	0,00%
4	Lê Mạnh Huy	Phó Tổng Giám đốc	0,00%
5	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	0,00%

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

Ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc:

- Ngày tháng năm sinh: 09/06/1965
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 818/56B Lê Lợi, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1990 – 2001: Cán bộ Quản lý xưởng chế biến gỗ, Công ty Sapsimex.
 - Từ 2002 – 2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp dịch vụ thu phí, Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
 - Từ 2009 – 2010: Giám đốc, Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận.
 - Từ 2011 – Tháng 09/2011: Trưởng ban Quản lý dự án, Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
 - Từ Tháng 10/2011- 03/2012: Tổng Giám đốc, Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia.

- Từ Tháng 04/2012- 07/2014: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia.
- Từ Tháng 08/2014- 03/2018: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII. (Tên cũ là: Công Ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia.)
- Từ tháng 04/2018- nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Saigon Water, thành viên của CII).
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai, Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp, và Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN.

Ông John Walter E. Tendencia – Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 23/08/1982
- Nơi sinh: Manila, Philippines
- Quốc tịch: Philippines
- Dân tộc: Không có
- Quê quán: Philippines
- Địa chỉ thường trú: 53-55 Bà Huyện Thanh Quan, phường 6, quận 3, Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:
 - Từ 2005 - 2006: Quản lý vùng tại Manila Water Company, Inc.;
 - Từ 2007 - 2008: Trưởng phòng Tự động hóa, Chuyên viên phát triển kinh doanh, bổ nhiệm tại công ty Mahindra Water Utilities;
 - Năm 2009 : Trưởng phòng kết hoạch sản xuất tại Manila Water Company;
 - Từ 2009 - 2013: Trưởng Phòng kỹ thuật kiêm Phát triển kinh doanh tại Manila Water Company, Inc.;
 - Từ 2012 - 2013: Trưởng phòng Phân phối tại Manila Water Company;
 - Từ 2013 - 2018: Phó Giám Đốc quản lý vận hành Nhà máy nước Kênh Đông;
 - Từ 02/2018 - 07/2018: Giám đốc Điều hành Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn;
 - Từ 08/2018 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn;

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, và Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN.

Ông Lê Văn Nam: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính – Nhân sự

- Ngày tháng năm sinh: 12/06/1976
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: T5.A12B.11 Chung cư Masteri Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - Từ 1999 đến 2000: CV tại Viện kiểm sát Nhân dân Thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;
 - Từ 2001 đến 2003: Trưởng phòng Mua sắm Tổng hợp tại Công ty TNHH thương mại Đức Phương;
 - Từ 2003 đến 2006: Nhân viên, Phó trạm thu phí, Trưởng phòng Hành chính - Kế toán tại Xí nghiệp Dịch vụ Thu phí - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII);
 - Từ 2006 đến nay: Chuyên viên Tư vấn luật và Luật sư Tư vấn tại Vietlaw (đến năm 2010) và tại Văn phòng Luật sư Quang Lê;
 - Từ 2011 đến nay: Trưởng Văn phòng Đại diện tại Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Kỹ thuật TNT, TP.HCM;
 - Từ 2018 đến nay: TV HĐQT tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Danameco;
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính – Nhân sự.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp thoát nước Gia Lai.

Ông Lều Mạnh Huy : Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 15/04/1985
- Nơi sinh: Việt Nam

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cấp thoát nước/ Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
- Quá trình công tác:
 - Từ Tháng 4/2008 – Tháng 8/2014 : Tư vấn giám sát thi công, Chi nhánh Công ty nước và môi trường Việt nam tại Tp. Hồ Chí Minh (Viwase).
 - Từ Tháng 8/2014 – Tháng 12/2015: Giám đốc kỹ thuật Công ty TNHH De.mem Việt Nam.
 - Năm 2016 – Năm 2019: Giám đốc Ban QLDA Nhà máy nước Nhị Thành Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.
 - Từ năm 2019 – năm 2021: Trưởng ban Phát triển Dự án Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.
 - Từ năm 2021 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư ngành nước DNP, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp.

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1980
- Nơi sinh : Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Lai
- Địa chỉ thường trú: 451/94 Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:

- Từ tháng 6/2003 đến tháng 04/2005: Kế toán Công ty TNHH Giao nhận Altus;
 - Từ tháng 04/2005 đến tháng 04/2006: Kế toán TH Công ty Obayashi Corporation;
 - Từ tháng 04/2006 đến tháng 02/2010: Trưởng phòng kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam (VFM);
 - Từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2014: Quản lý văn phòng Công ty CP CK Hùng Vương;
 - Từ tháng 05/2014 đến tháng 05/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH QLQ ACE Life
 - Từ tháng 05/2015 đến tháng 04/2016: Cố vấn Tài chính kế toán Công ty Riverorchid PR và ALternaty Real Estate Service;
 - Từ năm 2016 đến nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water)
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng.
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Cấp thoát nước Gia Lai, Hội đồng Thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia, Trưởng ban kiểm soát kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro.

✚ Số lượng lao động trong công ty:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2022	Tỷ lệ trên tổng số nhân viên
Số lượng cán bộ nhân viên (người)	118	97% (chưa bao gồm 03 thành viên BGD)
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	15.315.289	
Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học và trên đại học (người)	37	32%
- Cao đẳng, trung cấp (người)	33	28%
- Khác (người)	47	40%
Phân theo hợp đồng		
- Hợp đồng không xác định thời hạn(người)	107	91%
- Hợp đồng có xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	11	9%

✚ Chính sách đối với người lao động Thời gian làm việc:

- Thời gian làm việc của khối văn phòng: 05 ngày/tuần. Buổi sáng: từ 8 giờ đến 12giờ00. Buổi chiều: từ 13giờ00 đến 17giờ00.
- Riêng văn phòng giao dịch Củ Chi, để thực hiện dịch vụ cấp nước 24/24 có lịch làm việc

riêng cho từng bộ phận và vẫn đảm bảo tuân thủ số giờ làm việc theo luật lao động quy định.

- Ngày nghỉ hàng tuần: Chiều thứ bảy và chủ nhật.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: được nghỉ theo công bố của Nhà Nước
- Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Cứ làm việc được ba năm sẽ được thêm 1 ngày phép.
- Người lao động được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật Lao động.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng:

- Công ty chú trọng tuyển dụng những nhân viên phù hợp với yêu cầu của công việc. Công ty khuyến khích việc tuyển dụng nội bộ nhằm tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội phát triển và thăng tiến.
- Bên cạnh đó, Công ty vẫn thực hiện công tác tuyển dụng nhân lực từ bên ngoài. Nhân viên được Công ty tuyển dụng trực tiếp hoặc thông qua các Công ty Tư vấn, Môi giới nhân lực, thi tuyển hoặc sự giới thiệu của nhân viên Công ty, của cơ quan quản lý địa phương.

Đào tạo:

- Công ty chú trọng việc các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ công tác và đạo đức nghề nghiệp.
- Thực hiện thường xuyên công tác đào tạo nội bộ do các giám đốc, trưởng bộ phận chuyên môn phụ trách.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Chính sách lương:

Điều 1: Hình thức trả lương căn cứ ghi trên hợp đồng lao động và được thanh toán làm một lần trong khoản thời gian từ ngày 25 của tháng hiện tại tới ngày 5 của tháng liền kề.

Đơn giá trả lương được căn cứ vào mức lương được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi lãnh lương phải biết được mọi khoản lương được lãnh của mình.

Điều 2: Căn cứ vào Điều 26 của Bộ luật lao động năm 2019, tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều phải qua thời gian thử việc và được hưởng 85% lương căn bản theo cấp bậc công việc hoặc theo Bộ luật hiện hành. Sau thời gian thử việc nếu người lao động được chính thức ký hợp đồng tuyển dụng thì sẽ được hưởng 100% lương căn bản theo cấp bậc công việc.

Điều 3: Nếu có nhu cầu làm thêm giờ thì người lao động được trả lương làm thêm giờ theo điều 98 Chương VI của Bộ luật lao động năm 2019.

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%.
- Vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200%.
- Vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300%.
- Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- Người lao động làm việc thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định, người lao động còn được trả thêm 20% tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc ban ngày.

Khen thưởng

- Chế độ khen thưởng theo quy định pháp luật lao động, Quy chế lương và Nội quy lao động Công ty,
- Thưởng ít nhất 01 tháng lương (tháng lương thứ 13) cho Người lao động theo mức lương trên HĐLĐ và tùy vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các phúc lợi khác:

Được trích từ chi phí của Công ty, Quỹ khen thưởng phúc lợi các khoản chăm lo cho người lao động cụ thể như sau:

- Hàng năm, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát một lần, về chi phí tùy theo tình hình kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.
- Tiền đồng phục tối đa: 2.000.000 đồng/01 người/ 01 năm, không chi tiền mặt, nếu chi không hết sẽ chuyển vào quỹ cho các năm tiếp theo.
- Các khoản phúc lợi liên quan đến hiếu hi, ma chay, ốm đau...theo Thỏa ước lao động tập thể.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong 2022, Công ty đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong việc vận hành và quản lý các dự án. Những kết quả này đạt được cũng nhờ phần lớn từ sự nỗ lực của ban điều hành trong quá trình thương thảo để đạt được những cam kết nhất định, không chỉ từ các chính quyền địa phương mà còn từ các tổ chức tài chính và khách hàng mới. Những thành tựu nổi bật trong hoạt động đầu tư, vận hành các dự án của công ty trong năm như sau:

- Tăng sản lượng cấp nước Củ chi, Dankia, Gia Lai trong điều kiện kinh tế vĩ mô có nhiều khó khăn, nhiều khách hàng doanh nghiệp phải ngừng hoặc thu hẹp hoạt động..
- Đã làm việc với các Khu công nghiệp trên địa bàn Huyện Củ Chi, hiện đang cấp nước được một số Khu công nghiệp như Tây Bắc (Bia Sài Gòn), một phần KCN Tân Phú Trung,

KCN Hoà Phú;

- Quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động trong điều kiện khó khăn về tài chính, giảm thiểu thiệt hại do giãn cách xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngừng.
- Saigon Water đã đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Đan Kia vào năm 2013 với tổng mức đầu tư 105 tỷ đồng; hiện nay công ty này đã không còn nợ vay, tỷ suất lợi nhuận đạt xấp xỉ 20% và dự kiến sẽ tiếp tục hoạt động ổn định và hiệu quả trong tương lai.
- Tại Công ty cổ phần Cấp Nước Gia Lai (Saigon Water hiện sở hữu 51% vốn điều lệ), kể từ năm 2019 đến nay, công ty này đã thoát lỗ; tỷ suất lợi nhuận bình quân 3 năm 2019-2022 khoảng 7,5%; dự kiến tỷ suất lợi nhuận sẽ được nâng cao trong các năm sau khi hoạt động kinh doanh tiếp tục được cải thiện; công ty này không còn khoản nợ đáng kể nào.
- Dự án nhà máy nước Tân Hiệp 2 đã đi vào hoạt động từ 2017 và từ đó đến nay liên tục đạt được thành quả tốt, mang lại nguồn thu lớn cho Công ty với tỷ suất lợi nhuận luôn ở mức cao (38% năm 2022, trung 2019-2022 khoảng 33%). Trong tương lai, khi dự án hoạt động hết công suất và với việc trả dần các khoản nợ vay thì tỷ suất này sẽ được nâng cao hơn nữa.
- Kết quả của các dự án đầu tư này là các bước hiện thực hóa mục tiêu đóng góp cho ngành hạ tầng nước tại Việt Nam và củng cố thêm vị thế của Công ty trên thị trường.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2022	2021	% thay đổi
Tổng giá trị tài sản	2.225,26	2.360,51	(6%)
Vốn chủ sở hữu	1.291,52	1.376,22	(6%)
Doanh thu thuần	224,80	202,68	11%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(91,75)	(72,70)	26%
Lợi nhuận khác	0,94	1,10	(15%)
Lợi nhuận trước thuế	(90,81)	(71,60)	27%
Lợi nhuận sau thuế	(86,41)	(78,19)	11%
LNST của công ty mẹ	(88,97)	(73,50)	21%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,31	0,25

+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,23	0,16
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	41,96%	41,70%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,72	0,72
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	Lần	5,04	4,65
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	14,49	12,95
- Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,10	0,08
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-38,4%	-38,6%
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-6,5%	-5,5%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-3,8%	-3,2%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-40,8%	-35,9%
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	-1.339	-1.212

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành tính đến ngày 31/12/2022: 64.522.104 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tính đến ngày 31/12/2022: 64.522.104 cổ phiếu phổ thông

5.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2022

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng
1	Cổ đông trong nước	200	32.946.257	51,06%
	Cá nhân	183	215.859	0,33%
	Tổ chức	17	32.730.398	50,73%
2	Cổ đông nước ngoài	20	31.575.847	48,94%
	Cá nhân	13	3.747	0,01%
	Tổ chức	07	31.572.100	48,93%
Tổng cộng		220	64.522.104	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	0302483177	12/24/2001	Tầng 12, số 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	32.654.750	50,61%

2	VIAC (No.1) Limited Partnership	CA5360	07/12/2011	24 Raffles Place #22-00 Clifford Center, Singapore (048621)	7.034.700	10,90%
3	Manila Water South Asia Holdings PTE. LTD	201009681K	05/05/2010	1 Scotts Road, #23-13 Shaw Centre, Singapore 228208	24.516.000	38%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động môi trường

- Luôn tuân thủ các quy trình và thủ tục lấy nước thô của chính quyền và địa phương cho các nhà máy xử lý nước;
- Hoàn thiện hồ sơ cam kết môi trường khi bắt đầu dự án mới;
- Phối hợp vận hành với các nhà máy nước và đội quản lý mạng cấp nước nhằm kiểm soát và tiết kiệm được lượng điện năng, hóa chất tiêu thụ một cách;
- Xây dựng quy định, cũng như các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn điện theo chương trình tiết kiệm điện của các sở ban ngành;
- Xây dựng và thực hiện các chính sách về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy rừng và phương án quản lý bảo vệ rừng cho các nhà máy tại các tỉnh thành.

6.2. Tác động xã hội

- Với mục tiêu đóng góp cho cộng đồng thông qua sản phẩm và dịch vụ của Công ty, với từng dự án được triển khai, Công ty đều có sự chú trọng đến tác động xã hội trong công tác tuyển dụng, đào tạo, kiến tạo môi trường làm việc và cộng đồng trong khu vực của dự án. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công việc luôn có ưu tiên cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành và phát triển. Công ty đặc biệt quan tâm đến các chính sách, chế độ tiền lương cho người lao động, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tương xứng với sự phát triển của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2022, Saigon Water tiếp tục đặt mục tiêu nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc tập trung cải thiện hiệu quả hoạt động vận hành của các công ty thành viên, nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để giúp tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh nước sạch, đồng thời phối hợp, làm việc với các sở ban ngành tại các địa phương để thúc đẩy việc thực hiện các chủ trương,

chính sách liên quan đến cấp nước đem lại nhiều lợi ích cho Công ty. Với định hướng đó, Công ty đã có nhiều hoạt động nhằm đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kinh doanh đề ra. Mặc dù vẫn còn nhiều thử thách với nguồn vốn và nhân lực giới hạn, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với sự đồng tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty vẫn có các cột mốc đáng ghi nhận về mặt tăng trưởng và dấu ấn trên thị trường.

Những tiến bộ đã đạt được

Công ty đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong năm 2022, đem lại những tiềm năng tăng trưởng và phát triển trong tương lai, bao gồm:

- Công ty đã tăng sản lượng cấp nước tại tất cả các công ty thành viên, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Công ty đã thành công trong việc tìm kiếm và huy động được các nguồn tài chính để đáp ứng nhu cầu tài chính cho hoạt động kinh doanh và thanh toán nghĩa vụ trả nợ, đảm bảo hoạt động của công ty được duy trì và phát triển một cách ổn định;
- Công ty đã quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động và không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động trong điều kiện khó khăn về tài chính.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Tổng tài sản cuối năm 2022 đạt 2.360.508 triệu đồng, cụ thể như sau:

TÀI SẢN (Đvt: triệu đồng)	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Thay đổi
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	137.058	114.827	22.231
1. Tiền và tương đương tiền	18.139	41.822	-23.683
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.301	16.323	-6.022
3. Các khoản phải thu	73.007	16.224	56.783
4. Hàng tồn kho	14.597	17.571	-2.974
5. Các tài sản ngắn hạn khác	21.012	22.887	-1.875
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.088.206	2.245.681	-157.475
1. Các khoản phải thu dài hạn	105	921	-816
2. Tài sản cố định	1.688.116	1.884.784	-196.668
3. Tài sản dở dang dài hạn	2.695	422	2.273
4. Đầu tư tài chính dài hạn	372.311	325.109	47.202
5. Các tài sản dài hạn khác	24.977	34.446	-9.469
TỔNG TÀI SẢN	2.225.264	2.360.508	-135.244

Tình hình nợ phải trả

Tổng các khoản nợ đến cuối năm 2022 là 933,75 tỷ đồng, giảm khoảng 50,5 tỷ đồng so với cuối năm 2021. Các khoản nợ này đa phần là từ các khoản vay từ ngân hàng để hỗ trợ cho Dự án Củ Chi và một phần từ các khoản nợ ngắn hạn còn phải thanh toán cho các đối tác. Chi tiết các khoản nợ của công ty như sau:

Đvt: triệu đồng

NỢ PHẢI TRẢ	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Thay đổi
I. NỢ NGẮN HẠN	448.240	462.852	-14.612
1. Phải trả người bán ngắn hạn	39.502	40.814	-1.312
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	150	125	25
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.601	2.189	0.412
4. Phải trả người lao động	1.477	1.538	-0.061
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	10.433	17.296	-6.863
6. Phải trả ngắn hạn khác	33.361	6.816	26.545
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	360.382	393.531	-33.149
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	332	542	-210
II. NỢ DÀI HẠN	485.507	521.435	-35.928
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	472.767	501.866	-29.099
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	12.740	19.568	-6.828
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	933.747	984.286	-50.539

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức để phù hợp với hoạt động hiện tại nhằm duy trì sự bền vững của Công ty cũng như đạt mục tiêu phát triển trong vòng 5 năm tới..
- Nhìn chung, cơ cấu tổ chức mới phù hợp với nhu cầu hỗ trợ và kết nối trong giai đoạn hiện nay. Các phòng ban, các công ty con trực thuộc và công ty liên kết được tăng cường kênh trao đổi thông tin, thúc đẩy sự phối hợp giữa các các phòng ban, các Công ty con, các dự án trong Danh mục Quản lý, hướng đến hoạt động của Công ty ngày một hiệu quả và đồng bộ.
- Công ty cũng theo dõi sát sao các chỉ tiêu hoạt động tài chính và kinh doanh của Công ty thông qua việc lập kế hoạch kinh doanh, chi phí dự án, doanh thu và dòng tiền định kỳ.

4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2023

Năm 2023 dự kiến tiếp tục khó khăn khi doanh thu dù dự kiến sẽ tăng nhưng vẫn chưa đủ bù đắp các chi phí và do đó sẽ tiếp tục chịu lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Ban Điều hành sẽ tiếp tục nỗ lực để giải quyết những khó khăn về sản xuất cũng như thực hiện các giải pháp tài chính để giúp Công ty cải thiện kết quả kinh doanh trong kỳ và thoát lỗ, giảm áp lực tài chính và giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài, tiến tới tự cân đối được tài chính.

Các mục tiêu và giải pháp chủ yếu như sau:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án, các Công ty thành viên;
- Giải quyết các nghĩa vụ tài chính thông qua việc khai thác các tài sản hiện có và tìm kiếm các nguồn tài chính;
- Những kế hoạch hành động thiết yếu của Ban điều hành là động lực chính để dẫn dắt công ty đạt lợi nhuận tốt và tăng giá trị thương mại phục vụ lợi ích cho tất cả cổ đông.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án, các Công ty thành viên

- Dự án Củ Chi:
 - o Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất, qua đó tăng sản lượng ghi thu và giá bán bình quân.
 - o Tiếp tục làm việc với UBND Thành phố, các sở ban ngành và các KCN trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Cùng với đó, Công ty sẽ thực hiện các giải pháp để buộc các đơn vị cấp nước khác trên địa bàn chuyển giao quyền cung cấp nước cho các doanh nghiệp trong KCN hoặc mua nước sỉ do Công ty cung cấp.
 - o Thực hiện công tác chuyển đổi số.
 - o Tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước phần đầu tỷ lệ thất thoát còn 15%, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Công ty Saigon Dankia:
 - o Kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí;
 - o Làm việc với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, Sở Tài chính, UBND Tỉnh Lâm Đồng để được điều chỉnh giá bán sỉ trong năm 2023.
- Công ty cổ phần cấp thoát nước Gia lai
 - o Tăng cường các giải pháp giảm thất thoát nước;
 - o Phối hợp với BQL dự án TP. Pleiku thực hiện các thủ tục để được hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo thay thế mạng cấp nước trong dự án cải tạo và nâng cấp đô thị.
 - o Thực hiện công tác chuyển đổi số.
 - o Phối hợp với SXD, sở TNMT thực hiện các giải pháp giảm khai thác nước ngầm tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.
 - o Thực hiện các thủ tục trình UBND tỉnh điều chỉnh giá nước bán lẻ.
- Công ty cổ phần Cấp nước Saigon Pleiku
 - o Kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí;
 - o Thực hiện các thủ tục cấp nước cho khu CN Trà Đa;
 - o Tăng giá bán sỉ nước sạch cho GLW từ tháng 10/2023.
- Công ty cổ phần cấp nước SG-An Khê

- Kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí;
- Tăng cường các giải pháp giảm thất thoát nước;
- Thực hiện công tác chuyển đổi số.
- Thực hiện các thủ tục trình UBND tỉnh điều chỉnh giá nước bán lẻ.

📌 Tiếp tục tìm kiếm các giải pháp tài chính cho các nghĩa vụ tài chính thông qua việc khai thác các tài sản hiện có

- Công ty SII sẽ thương lượng với các đối tác đã hỗ trợ tài chính cho SII để hoãn thời hạn hoàn trả vốn hỗ trợ sang năm 2024, giúp giảm 23 tỷ áp lực tài chính trong năm 2023. Đồng thời, Công ty cũng tiếp tục tìm kiếm cơ hội thoái vốn tại Saigon An Khê (SAW) và ghi nhận doanh thu tài chính 3,9 tỷ đồng từ khoản thu hồi thuế TNDN hoãn lại cho khoản thoái vốn này
- Huy động các nguồn vốn mới: các tài sản là cổ phần của các công ty nêu trên đều có thể dùng làm tài sản thế chấp để huy động vốn (ngoại trừ cổ phần Tân Hiệp đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho CII thế chấp cho khoản trái phiếu của CII). Tuy nhiên trong bối cảnh Công ty gặp khó khăn trong việc huy động vốn từ bên ngoài do đang chịu lỗ, Công ty sẽ phải tìm giải pháp thoái vốn một số khoản đầu tư.

📌 Công tác quản lý điều hành

- Tinh gọn danh mục bằng cách thoái vốn một số dự án không hiệu quả ra khỏi danh mục. Tìm đối tác chuyển nhượng một số dự án theo chỉ đạo của HĐQT, ... xây dựng kế hoạch dòng tiền đảm bảo khả năng trả nợ cũng như chi phí hoạt động giúp công ty phát triển bền vững.
- Tích cực làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm thực hiện quyền cấp nước, tăng sản lượng, thay đổi cơ cấu khách hàng theo hướng tăng tỷ trọng khách hàng doanh nghiệp, sản xuất.
- Tăng cường các giải pháp kỹ thuật để giảm thất thoát nước, giảm tiêu hao điện năng;
- Áp dụng CNTT trong quản lý, tăng cường các kênh thu hộ để giảm chi phí hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ.

📌 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

Dựa trên những dự đoán có căn cứ với các số liệu chi tiết mà Công ty cho là hợp lý về những hoạt động đầu tư, tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh cũng như những định hướng chiến lược Công ty đã vạch ra, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2023 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực tế 2022	Kế hoạch 2023	% thay đổi
1. Tổng doanh thu	330,23	353,95	107%
2. Tổng chi phí	249,60	220,00	88%
3. Lợi nhuận trước thuế	(90,81)	(45,87)	51%
4. Lợi nhuận sau thuế	(86,41)	(44,10)	51%
5. Lợi nhuận còn lại sau lợi ích cổ đông thiểu số	(88,97)	(48,04)	54%

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Phát triển Công ty thành một tổ chức hoạt động kinh doanh chuyên về lĩnh vực Hạ tầng nước bao gồm ba mảng chính:

- Đầu tư phát triển các dự án về cung cấp nước sạch, xử lý nước thải,
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì trong lĩnh vực môi trường nước.

Đầu tư phát triển các dự án về cung cấp nước sạch, xử lý nước thải:

Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển các dự án tốt trong lĩnh vực môi trường bao gồm:

- Nghiên cứu tìm kiếm các dự án trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải.
- Đầu tư vào các doanh nghiệp hoặc các dự án hoạt động trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải.

Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước:

- Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường cho Công ty.

Định hướng phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường hoạt động tìm kiếm nguồn nhân sự cho các vị trí quản lý cấp cao để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty trong những năm tới.
- Có kế hoạch mang tính chủ động đối với lực lượng lao động trực tiếp nhằm đáp ứng và duy trì hoạt động đầu tư tại mọi thời điểm theo yêu cầu.
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chế độ tiền lương và đãi ngộ đối với người lao động, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm, các chính sách đảm bảo an toàn lao động nhằm thu hút người tài, người có tâm huyết đối với Công ty.

6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Liên quan đến môi trường

- Luôn kết hợp thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường trong giai đoạn lựa chọn, xây dựng và phát triển dự án;
- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sửa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc để nâng cao tuổi thọ hoạt động của máy.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lịch trực vận hành, trực xử nước đảm bảo chất lượng đúng quy trình kỹ thuật.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất để vận hành nhà máy tối ưu nhất.

6.2. Liên quan đến xã hội

- Cam kết đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng, tăng cường tìm hiểu nhu cầu sử dụng nước sạch tại địa phương nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận với nguồn nước chất lượng cao.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn an toàn của nguồn nước.
- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động trong công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.
- Tiếp tục phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng trong các năm trước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về hoạt động của Công ty

- Trong năm 2022, tổng sản lượng ghi thu của các công ty con đạt gần 28,5 triệu m³, tăng nhẹ khoảng 6% so với năm trước do sản lượng ghi thu tại các công ty này đều được cải thiện. Sản lượng ghi thu của các công ty liên kết cũng đạt mức tăng trưởng đáng khích lệ. Nhờ đó doanh thu cung cấp nước sạch tăng 6%, tương ứng khoảng 12 tỷ so với năm 2021.
- Doanh thu tài chính giảm gần 23 tỷ so với năm trước với nguyên nhân là do Công ty không nhận tạm ứng cổ tức từ Tân Hiệp vào tháng 12 như năm trước (36,12 tỷ vào tháng 12/2021), cũng như Gia Lai không chia cổ tức trong năm 2022. Tuy nhiên, Saigon Dankia đã bắt đầu trả cổ tức và ghi nhận 11,7 tỷ trong năm 2022, dự kiến 10,8 tỷ năm 2023.
- Tình hình lợi nhuận hợp nhất của công ty vào SII đều được cải thiện:
 - o Văn phòng SII: nguồn thu từ cổ tức của Saigon Dankia và thoái vốn Saigon Pleiku
 - o Dự án Củ Chi: giảm lỗ do hoạt động kinh doanh được phục hồi và tăng trưởng
 - o Enviro: không còn ghi nhận khoản dự phòng phải thu khó đòi
 - o Saigon Dankia, CTN Gia Lai: tăng lợi nhuận do hoạt động kinh doanh phục hồi
 - o CTCP Đầu tư nước Tân Hiệp: tăng lợi nhuận do nâng cao hiệu quả quản lý
 - o Saigon Pleiku: không ghi nhận hợp nhất từ tháng 03/2022.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc công ty thông qua việc ban hành kịp thời các nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty. Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Năm 2022 có những khó khăn, thách thức trong việc quản lý danh mục dự án, ổn định hoạt động của các dự án đã đi vào vận hành cũng như cố gắng mở rộng thị phần cấp nước. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua và đạt được những cột mốc đáng ghi nhận đối với các dự án. HĐQT ghi nhận sự nỗ lực của Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty trong năm qua.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, trong năm 2023, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung thực hiện các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Hội đồng quản trị vẫn sẽ linh hoạt và kiên định trong việc cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm phục vụ cho lợi ích của các cổ đông;
- Duy trì và phát triển mối quan hệ với các cơ quan, ban ngành, bao gồm cả lĩnh vực tư nhân và tổ chức chính quyền, nhằm gia tăng kết nối để tăng sản lượng cung cấp của các nhà máy nước và mạng cấp nước hiện hữu, tăng giá bán nước si và lẻ;
- Chỉ đạo công tác huy động vốn đảm bảo việc cung ứng vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán của công ty;
- Triển khai thực hiện tốt các mục tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SX- KD và đầu tư phát triển năm 2023.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) của công ty gồm 9 thành viên. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ CP (đại diện)
1	Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0%
2	Ông Lều Mạnh Huy	Thành viên HĐQT	0%
3	Bà Phan Thùy Giang	Thành viên HĐQT	0%
4	Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	0%
5	Ông Melvin John M. Tan	Thành viên HĐQT	0%
6	Ông Laurence R. Roger	Thành viên HĐQT	0%
7	Bà Karoline Constantino Sangalalng	Thành viên HĐQT	0%
8	Ông Trần Thái Tùng	Thành viên HĐQT	0%
9	Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên HĐQT	0%

1.2. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2022, các buổi họp của HĐQT được tổ chức định kỳ theo như quy định của Điều lệ công ty. HĐQT đã tổ chức các buổi họp và ban hành 22 Nghị quyết với những nội dung sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/ SGW/NQ- HĐQT	06/01/2022	<p>- Chấp thuận phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sài Gòn Pleiku theo nội dung của Tờ trình 56/2021/SGW-TT ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn về phương án thoái một phần vốn tại Công ty Cấp nước Sài Gòn Pleiku.</p> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc ký kết các thỏa thuận, hợp đồng và hồ sơ chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku, để thực hiện phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku;</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua nội dung Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần do Tổng Giám đốc đệ trình. Tổng Giám đốc trình Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua nội dung Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trước khi ký kết.</p>	100%
2	02/2022/ SGW/NQ- HĐQT	17/02/2022	<p>- Thông qua toàn văn nội dung Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku;</p> <p>- Giao Tổng Giám đốc, được đại diện cho Công ty, tiến hành ký kết và thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku với ông Lê Văn Nam</p>	100%
3	03/2022/ SGW/NQ- HĐQT	17/02/2022	<p>- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 theo Báo cáo ngày 25/02/2022 của Ban Điều Hành.</p> <p>- Thông qua những nội dung trình và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022; + Tờ trình số 10/2022/SGW-TT ngày 25/02/2022 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; + Tờ trình số 11/2022/SGW-TT ngày 25/02/2022 về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022; + Tờ trình số 12/2022/SGW-TT ngày 	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>25/02/2022 về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022;</p> <p>+ Tờ trình số 13/2022/SGW-TT ngày 25/02/2022 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, và sửa đổi Điều 2.3 của Điều lệ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn;</p> <p>+ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn; ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Tờ trình về việc đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quy chế này; và ký ban hành Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.</p> <p>- Phê duyệt Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn theo Tờ trình số 03/2022/SGW/HĐQT-TT ngày 03/03/2022 của Người phụ trách Bộ phận Kiểm toán nội bộ về việc đề nghị phê duyệt Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.</p> <p>- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định và thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.</p> <p>- Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021; thời gian chốt danh sách là vào ngày 29 tháng 03 năm 2022; ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các văn bản liên quan đến việc chốt danh sách cổ đông, các văn bản liên quan đến triệu tập họp, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.</p> <p>- Thống nhất chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 gồm các nội dung sau đây:</p> <p>+ Các nội dung được nêu tại Điều 2 của Nghị quyết này;</p> <p>+ Thông qua Báo cáo của Ban điều hành, Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>+ Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (theo tờ trình của Ban Kiểm soát);</p> <p>+ Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>+ Các nội dung khác được bổ sung theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;</p>	

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4	04/2022/ SGW- HDQT- NQ	16/03/2022	- Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau: + Thời gian: 14 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 04 năm 2022; + Địa điểm: Khách sạn Continental (Hotel Continental Saigon), 132-134 Đồng Khởi, Q1, Tp. Hồ Chí Minh;	100%
5	05/2022/ SGW- HDQT- NQ	24/03/2022	- Chấp thuận việc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn nhận hỗ trợ tài chính từ Công ty cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam với các nội dung theo tờ trình số 20/2022/SGW-TT ngày 14 tháng 04 năm 2022 - Phê duyệt Hợp đồng hỗ trợ vốn theo Dự thảo trong Tờ trình số 20/2022/SGW-TT ngày 14 tháng 04 năm 2022; giao cho Tổng Giám đốc ký kết Hợp đồng hỗ trợ vốn và thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận hỗ trợ vốn, đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành.	100%
6	06/2022/ SGW- HDQT- NQ	05/04/2022	- Chấm dứt việc bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Minh làm Thư ký Hội đồng Quản trị kể từ ngày ký ban hành Quyết định này: - Giao cho Tổng Giám đốc tìm nhân sự thay thế Thư ký Hội đồng quản trị và đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	100%
7	07/2022/ SGW- HDQT- NQ	26/04/2022	- Chấp thuận đề nghị của ông Châu Ngọc Trọng về việc thôi giữ chức vụ Giám đốc kỹ thuật kể từ ngày ban hành Quyết định này: đồng lao đồng được ký giữa Công ty và ông Châu Ngọc Trọng chấm dứt hiệu lực kể từ ngày ban hành Quyết định này - Giao Tổng Giám đốc tìm nhân sự thay thế Giám đốc kỹ thuật và đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm; hoặc căn cứ vào nhu cầu nhân sự trên thực tế, Tổng Giám đốc được quyền xem xét, quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm Trưởng phòng kỹ thuật để quản lý và điều hành các công việc của bộ phận kỹ thuật của Công ty.	100%
8	08/2022/ SGW- HDQT- NQ	27/04/2022	- Chấp thuận phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sài Gòn Pleiku theo nội dung của Tờ trình 28/2022/SGW-TT ngày 6 tháng 6 năm 2022 của Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn về phương án thoái vốn tại Công ty Cấp nước Sài Gòn Pleiku. - Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc ký kết các thỏa thuận, hợp đồng và hồ sơ chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku, để thực hiện phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku;</p> <p>- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua nội dung Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần do Tổng Giám đốc đệ trình. Tổng Giám đốc trình Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua nội dung Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trước khi ký kết.</p>	
9	09/2022/ SGW- HĐQT- NQ	14/05/2022	<p>- Thông qua phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần nước Sài Gòn – An Khê theo nội dung Tờ trình 29/2022/SGW-TT ngày 6 tháng 6 năm 2022;</p> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc tìm kiếm đối tác chuyển nhượng và thực hiện các thủ tục cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc ký kết các thỏa thuận, hợp đồng và hồ sơ chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần nước Sài Gòn – An Khê; Tổng Giám đốc trình Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị thông qua nội dung Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trước khi ký kết.</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua nội dung Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần do Tổng Giám đốc đệ trình.</p>	100%
10	10/2022/ SGW- HĐQT- NQ	31/05/2022	<p>- Thông qua Báo cáo hoạt động 06 tháng đầu năm và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 theo Báo cáo số 98/2022/SGW-BC ngày 26/07/2022 của Ban điều hành</p> <p>- Chấp thuận và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua giao dịch bán cổ phần SII thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh và các cổ đông khác mà không chào mua công khai. Ủy quyền cho Chủ tịch quản trị thay mặt HĐQT ký tờ trình đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua/ chấp thuận giao dịch này.</p> <p>- Phê duyệt chủ trương Công ty sẽ thực hiện chuyển đổi cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi</p> <p>- Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022; thông qua chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ.</p>	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2022. - Chấp thuận việc nhận hỗ trợ vốn từ Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam; Giao cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng hỗ trợ vốn giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam. - Chấp thuận chủ trương tham gia góp vốn đầu tư cùng các đối tác khác để lắp đặt tuyến ống nước từ Nhà máy nước Kênh Đông 1 để cấp nước cho Khu công nghệ Đức Hòa III, tỉnh Long An. Giao cho Ban điều hành lập phương án chi tiết trình Hội đồng quản trị phê duyệt. 	
11	11/2022/ SGW- HĐQT- NQ	15/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 như sau: + Thời gian: 09 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 09 năm 2022; + Địa điểm: Văn phòng Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM 	100%
12	12/2022/ SGW- HĐQT- NQ	17/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư theo toàn văn nội dung dự thảo Tờ trình số 53/2022/SGW, ngày 19 tháng 9 năm 2023. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị được thay mặt Hội đồng quản trị ký Tờ trình (v/v phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022. - Bổ sung vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022 nội dung về việc “Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư”. 	100%
13	13/2022/ SGW- HĐQT- NQ	25/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất bầu ông Ngô Đức Vũ – Thành viên Hội đồng Quản trị - giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, nhiệm kỳ 2022-2026. 	100%
14	14/2022/ SGW- HĐQT- NQ	20/10/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Cử Ông Nguyễn Văn Thành và Ông Trịnh Đức Hoàng làm người đại diện vốn theo ủy quyền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp - Thống nhất đề cử ông Nguyễn Văn Thành, Ông Trịnh Đức Hoàng và Lê Mạnh Huy tham gia ứng cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, nhiệm kỳ 2019-2023 	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	15/2022/SGW-HĐQT-NQ	20/10/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm ông Lê Mạnh Huy, sinh ngày 15/04/1985, trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cấp thoát nước /Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, làm Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn - Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng lao động với ông Lê Mạnh Huy 	100%
16	16/2022/S GW-HĐQT-NQ	21/10/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận phương án hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn -Pleiku (“SPW”) theo nội dung tờ trình số 55/2022/SGW-TT ngày 26 tháng 9 năm 2022 - Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án hỗ trợ vốn cho SPW. 	100%
17	17/2022/S GW-HĐQT-NQ	02/11/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận việc Công ty Hạ tầng nước Sài Gòn nhận hỗ trợ tài chính từ Công ty cổ phần Đầu tư Cầu đường CII với các điều khoản được trình bày tại Tờ trình 65/2022/SGW-TT ngày 1 tháng 11 năm 2022. - Giao cho Tổng Giám đốc ký kết Hợp đồng hỗ trợ vốn và thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận hỗ trợ vốn, đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành 	100%
18	18/2022/S GW-HĐQT-NQ	02/11/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm của Công ty Cổ phần nước Sài Gòn như trình bày tại Mục 1.1 của Tờ trình số 64/2022/SGW-TT ngày 01 tháng 11 năm 2022 để làm cơ sở triển khai các công tác chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành - Ủy quyền cho Ban điều hành điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình hoạt động thực tế và theo biến động thị trường (nếu có) 	100%
19	19/2022/S GW-HĐQT-NQ	02/11/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận chủ trương tái cấu trúc khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa để đầu tư giai đoạn 1 Dự án Củ Chi theo các nội dung được trình bày tại Mục 1.1 tại Tờ trình số 66/2022/SGW-TT ngày 02 tháng 11 năm 2022; Giao cho Tổng Giám đốc thương thảo các nội dung và điều khoản chi tiết của phương án tái cấu trúc theo chủ trương tái cấu trúc này; Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định và phê duyệt nội dung chi tiết của phương án tái cấu trúc này - Chấp thuận việc vay vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thế chấp cổ phần để bảo đảm cho khoản vay này như chi tiết 	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>nêu tại Mục 2 của Tờ trình số 66/2022/SGW-TT.</p> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc ký kết các văn bản để thực hiện các nội dung tại Mục 3.1, 3.2 của Tờ trình số 66/2022/SGW-TT theo đúng quy định của pháp luật</p>	
20	20//2022/SGW-HĐQT-QĐ	3/11/2022	<p>- Cử Ông Vũ Văn Tuấn và Ông Nguyễn Khánh Duy là người đại diện vốn theo ủy quyền Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn- Pleiku</p> <p>- Thống nhất đề cử Ông Vũ Văn Tuấn và Ông Nguyễn Khánh Duy tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku nhiệm kỳ 2018-2023</p>	100%
21	21/2022/SGW-HĐQT-NQ	11/11/2022	<p>- Chấp thuận chủ trương tái cấu trúc khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa để đầu tư giai đoạn 1 Dự án Củ Chi theo các nội dung được trình bày tại Mục 1 tại Tờ trình số 67/2022/SGW-TT ngày 10 tháng 11 năm 2022; Giao cho Tổng Giám đốc thương thảo các nội dung và điều khoản chi tiết của phương án tái cấu trúc theo chủ trương tái cấu trúc này; Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định và phê duyệt nội dung chi tiết của phương án tái cấu trúc này.</p> <p>- Chấp thuận việc vay vốn lưu động và thế chấp tài sản để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn được nêu tại Mục 2 của Tờ trình số 67/2022/SGW-TT.</p> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc ký kết các văn bản để thực hiện các nội dung tại Mục 3 của Tờ trình theo đúng quy định của pháp luật</p> <p>Thay thế Nghị quyết 19/2022/SGW-NQ ngày 02 tháng 11 năm 2022.</p>	100%
22	22/2022/SGW-HĐQT-NQ	20/12/2022	<p>- Chấp thuận việc đầu tư mở rộng tuyến ống phân phối HDPE 180 khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng công viên Sài Gòn Safari, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi theo nội dung Tờ trình số 73/2022/SGW-TT ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Tổng Giám đốc.</p> <p>- Chấp thuận phương án hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku theo nội dung Tờ trình số 72/2022/SGW-TT ngày 08 tháng 12 năm</p>	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			2022 của Tổng Giám đốc.	

1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

1.5. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Melvin John Mondejar Tan	Thành viên HĐQT

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Alvin Sua Evangelista	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
3	Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên

2.2. Hoạt động của BKS

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ sau:

- ❖ Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- ❖ Phối hợp với Ban Giám Đốc và HĐQT kiểm tra giám sát hoạt động SXKD của công ty.
- ❖ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch của BCTC. Phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- ❖ Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, lập kế hoạch cho từng thành viên. Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và lợi ích

- Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: Trong năm 2022 Công ty không trả thù lao cho Hội đồng

Quản trị, Ban kiểm soát.

- Ban Điều hành: Lương, thưởng của Ban điều hành trong năm 2022 tổng cộng là 5.288.971.500 đồng.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	84%	16%	100%
2	Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính Nhân sự	79%	21%	100%
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	79%	21%	100%

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Có

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT...(nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders / Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (“CII”)	- CII là công ty mẹ của SII - Ông Nguyễn Văn Thành là Tổng Giám đốc SII kiêm Phó Tổng Giám đốc CII	Số 0302483 177, do SKHĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 24/12/2001, Thay đổi lần thứ 31 ngày 22/06/2022	Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam	Hoàn tất ngày 16/12/2022		Số cổ phiếu đã mua: 6.600 cổ phiếu SII Tổng giá trị cổ phiếu: 66.000.000.000 đồng	

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty tuân thủ chấp hành các quy định về quản trị công ty theo qui định của pháp luật hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế – Chi nhánh Sài Gòn, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Về Thuyết minh số II trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 311.182.014.014 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 86.410.059.007 đồng (năm 2021 lỗ 78.187.428.175 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 12.305.547.430 đồng (năm 2021 âm 36.346.336.530 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn và cơ cấu lại lịch trả nợ vay. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được đính kèm theo bản công bố thông tin này.

2.2. Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: www.saigonwater.com.vn

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, kính thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Quý cổ đông và

Quý nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 4 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 51



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Ông Lê Mạnh Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Melvin John Mondejar Tan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Laurence Rentuza	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Bà Karoline Constanino Sangalang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Alvin Sua Evangelista	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Huy	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Số: 1652/2023/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

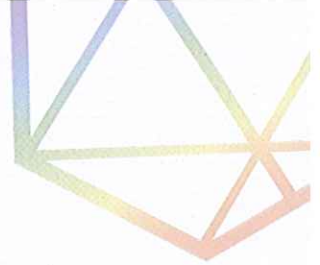
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 311.182.014.014 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 86.410.059.007 đồng (năm 2021 lỗ 78.187.428.175 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 12.305.547.430 đồng (năm 2021 âm 36.346.336.530 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn và cơ cấu lại lịch trả nợ vay. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2023-072-1

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2019-072-1

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

01-C.T.
Y
ỐC TẾ
NH
N
CHINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		137.058.328.248	114.827.490.333
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.139.561.028	41.822.459.362
1. Tiền	111		9.039.561.028	41.322.459.362
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.100.000.000	500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.301.669.003	16.322.912.605
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.301.669.003	16.322.912.605
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.007.635.027	16.224.113.071
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	52.862.924.613	49.201.363.292
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		291.080.958	150.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	116.431.248.886	8.921.764.040
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.472.835.013	10.742.270.167
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(108.050.454.443)	(52.791.284.428)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	14.597.349.198	17.571.012.578
1. Hàng tồn kho	141		14.597.349.198	17.571.012.578
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.012.113.992	22.886.992.717
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	997.119.735	1.048.974.246
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.787.877.169	11.672.707.383
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	10.227.117.088	10.165.311.088



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.088.206.073.408	2.245.680.854.616
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		105.000.000	920.993.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	915.993.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.688.116.559.947	1.884.784.282.208
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.685.831.448.611	1.878.381.709.471
- Nguyên giá	222		2.450.363.086.912	2.608.747.139.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(764.531.638.301)	(730.365.430.511)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.285.111.336	6.402.572.737
- Nguyên giá	228		3.967.000.391	11.460.047.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.681.889.055)	(5.057.474.473)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.695.547.067	421.546.507
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.695.547.067	421.546.507
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		372.311.936.521	325.108.530.141
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	229.158.541.521	181.955.135.141
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	143.153.395.000	143.153.395.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.977.029.873	34.445.502.760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	4.358.423.413	7.725.769.621
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.14	9.582.666.912	9.662.042.939
3. Lợi thế thương mại	269	V.15	11.035.939.548	17.057.690.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.225.264.401.656	2.360.508.344.949



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		933.747.562.288	984.286.362.986
I. Nợ ngắn hạn	310		448.240.342.262	462.851.590.275
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	39.502.005.987	40.814.289.527
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		149.551.499	125.276.626
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	2.601.301.440	2.189.183.641
4. Phải trả người lao động	314		1.477.458.481	1.537.651.265
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	10.433.292.671	17.296.434.040
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	33.361.747.880	6.816.045.260
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	360.382.515.728	393.531.026.726
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		332.468.576	541.683.190
II. Nợ dài hạn	330		485.507.220.026	521.434.772.711
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	472.767.220.026	501.866.454.026
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	12.740.000.000	19.568.318.685
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.291.516.839.368	1.376.221.981.963
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.291.516.839.368	1.376.221.981.963
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.538.225.108	18.538.225.108
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.801.512.120	139.565.878.339
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		138.775.153.361	213.063.607.344
- Lỗ sau thuế năm nay	421b		(88.973.641.241)	(73.497.729.005)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		416.059.747.292	411.000.523.668
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.225.264.401.656	2.360.508.344.949



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2022	2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	224.802.835.341	202.678.825.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		224.802.835.341	202.678.825.727
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	233.073.268.714	218.310.334.596
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(8.270.433.373)	(15.631.508.869)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	51.792.318.043	77.884.485.891
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	82.531.653.648	87.076.691.905
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		82.175.322.239	86.293.814.487
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.12	47.203.406.380	5.533.244.673
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.656.982.891	14.209.828.413
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	83.285.357.058	39.200.451.611
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		(91.748.702.547)	(72.700.750.234)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	6.097.118.419	2.836.020.913
13. Chi phí khác	32	VI.8	5.154.968.758	1.735.426.266
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		942.149.661	1.100.594.647
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(90.806.552.886)	(71.600.155.587)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.431.824.806	2.432.341.798
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(6.828.318.685)	4.154.930.790
18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(86.410.059.007)	(78.187.428.175)
19. Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(88.973.641.241)	(73.497.729.005)
20. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.563.582.234	(4.689.699.170)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.379)	(1.139)



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kê toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2022	2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(90.806.552.886)	(71.600.155.587)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	94.594.026.546	99.152.407.408
Các khoản dự phòng	03	57.032.571.015	8.840.093.025
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(104.213.932.718)	(85.350.863.832)
Chi phí lãi vay	06	82.175.322.239	87.053.114.487
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.781.434.196	38.094.595.501
Tăng các khoản phải thu	09	(743.459.652)	(65.579.795)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	8.023.888.632	(1.386.236.387)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.950.858.881	3.561.927.623
Giảm chi phí trả trước	12	3.358.460.570	3.607.427.744
Tiền lãi vay đã trả	14	(62.124.417.502)	(76.101.083.480)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.628.828.625)	(2.348.987.736)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(923.483.930)	(1.708.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.305.547.430)	(36.346.336.530)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.129.136.617)	(14.966.754.531)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.010.856.189	2.157.828.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.000.000.000)	(16.322.912.605)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.891.292.080	25.800.373.374
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.928.151.841	104.702.127.494
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.701.163.493	101.370.661.914

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2022		2021	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ đi vay	33	123.090.171.660		170.400.000.000	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(151.868.686.057)		(204.975.749.007)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.300.000.000)		(2.646.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.078.514.397)		(37.221.749.007)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(23.682.898.334)		27.802.576.377	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	41.822.459.362		14.019.882.985	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	18.139.561.028		41.822.459.362	



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kê toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 VND, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") với tỷ lệ sở hữu là 50,62%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 262 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 279).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con là xử lý và cung cấp nước sạch.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt, khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ có liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 1 tháng 4 năm 2022, Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/2022/BBTT-HTV/CII-TD-SII với Công ty CII và Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam (Công ty T&D). Theo đó, Công ty T&D đồng ý mua lại khoản nợ và lãi vay mà Công ty phải trả Công ty CII phát sinh từ Hợp đồng hỗ trợ vốn số 10/2019/HĐ-CII ngày 22 tháng 5 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng đính kèm với tổng giá trị là 289.477.701.632 đồng tại ngày ký biên bản thỏa thuận. Công ty đã kết chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả Công ty CII sang phải trả Công ty T&D theo biên bản xác nhận công nợ ba bên ký ngày 1 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty sau:

Tên công ty	31/12/2022		01/01/2022		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích		
Công ty con						
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%	Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%	Tp. Hồ Chí Minh	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
5. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
Công ty liên kết						
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	43,00%	43,00%	43,00%	43,00%	Tp. Hồ Chí Minh	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku (i)	49,00%	49,00%	55,00%	55,00%	Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 540.000 cổ phần (tương đương 6%) vốn góp của Công ty Pleiku. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Pleiku giảm từ 55% xuống 49%, Công ty Pleiku trở thành công ty liên kết của Công ty từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 311.182.014.014 đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 phát sinh khoản lỗ với số tiền là 86.410.059.007 đồng (năm 2021 lỗ 78.187.428.175 đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 12.305.547.430 đồng (năm 2021 âm 36.346.336.530 đồng). Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, các khoản lợi nhuận từ đầu tư vốn và cơ cấu lại lịch trả nợ vay. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến các vấn đề này như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất nhằm tăng sản lượng nước bán ra và tăng giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước phần đầu tỷ lệ thất thoát còn 15%, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, phần đầu đạt sản lượng bình quân trên 36.000 m³/ngày trong năm 2023.
- Đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia, dự kiến sản lượng vẫn giữ ở mức 28.000 m³/ngày như cuối năm 2022, giá bán vẫn dự kiến tăng thêm 350 đồng/m³ từ 5.896 đồng/m³ lên mức 6.246 đồng/m³ bắt đầu từ tháng 05/2023.
- Đối với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai, sản lượng ghi thu bình quân dự kiến tăng từ khoảng 18.100 m³/ngày lên khoảng 19.100 m³/ngày. Giá bán bình quân cũng tăng nhẹ từ khoảng 7.300 đồng/m³ lên gần 8.000 đồng/m³ (do giá dự kiến tăng thêm khoảng 15% từ tháng 10 năm 2023).
- Trong 12 tháng tới, Công ty dự kiến sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp (72,24 tỷ đồng), Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức (11,455 tỷ đồng).
- Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội thoái vốn tại các công ty nước BOO Thủ Đức, Sài Gòn An Khê và Sài Gòn Pleiku.
- Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc khoản vay đầu tư Dự án Củ Chi tại Vietinbank. Theo đó, Công ty dự kiến được giãn thời hạn trả nợ gốc đến năm Quý 1 năm 2031, đồng thời chỉ phải thanh toán 70% chi phí lãi vay phát sinh từ Quý 1 năm 2023 đến Quý 4 năm 2027, số lãi vay còn lại sẽ được trả dần từ Quý 1 năm 2028 đến Quý 1 năm 2031. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục sử dụng hạn mức vay vốn lưu động 25 tỷ đồng để trang trải các chi phí hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Giả định hoạt động liên tục** (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất :

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái vốn công ty con

Khi công ty thoái vốn, mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của Công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con sẽ được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo riêng của công ty mẹ sau khi điều chỉnh cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ tương ứng kể từ ngày mua nếu sau khi thoái vốn công ty con trở thành công ty tiên kết, hoặc trình bày theo giá gốc nếu công ty con trở thành khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác.

Trường hợp trước đây Công ty đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, toàn bộ phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mất quyền kiểm soát.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con nhưng không dẫn đến mất quyền kiểm soát được ghi nhận như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Ảnh hưởng của các giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất thay vì ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kỳ phát sinh giao dịch.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết** (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thoái vốn một phần vốn trong công ty liên kết, lãi/lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vốn vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản phải thu về cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Vườn cây lâu năm	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình của Công ty khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa nhà máy và văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ* (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay hỗ trợ vốn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nước sạch, kinh doanh bán vật tư, tư vấn, thi công, lắp đặt thiết bị, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai, tỉnh Lâm Đồng. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.729.603.820	1.754.741.056
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.309.957.208	39.567.718.306
Các khoản tương đương tiền	9.100.000.000	500.000.000
Cộng	18.139.561.028	41.822.459.362

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	10.301.669.003	16.322.912.605

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 đến 12 tháng với lãi suất dao động từ 5,0% đến 8,3%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Khách hàng không phải là bên liên quan	45.162.924.613	44.144.163.292
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Xây dựng Tuấn Lộc	11.420.670.623	11.420.670.623
Công ty Cổ phần LICOGI 16	11.032.053.290	11.032.053.290
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	10.576.016.035	9.818.676.899
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	7.910.205.155	8.372.148.844
Các khách hàng khác	4.223.979.510	3.500.613.636
Khách hàng là bên liên quan	7.700.000.000	5.057.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Lê Văn Nam (i)	2.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	-	57.200.000
Cộng	52.862.924.613	49.201.363.292

(i) Đây là khoản phải thu chuyển nhượng cổ phần theo hợp đồng số 01/2022/HĐ-SGW ngày 22 tháng 2 năm 2022 về việc chuyển nhượng 540.000 cổ phần, tương ứng 6% của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	106.755.142.190	-
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	9.676.106.696	8.921.764.040
Cộng	116.431.248.886	8.921.764.040

(i) Số dư cuối kỳ bao gồm hai khoản hỗ trợ vốn, chi tiết như sau:

+ Khoản hỗ trợ vốn của Công ty với hạn mức 73,2 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2023;

+ Khoản hỗ trợ vốn của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai có thời hạn 12 tháng, lãi suất 9,8%/năm và sẽ đến hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2023.

(ii) Khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong kỳ là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.

5. Phải thu khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Giá trị các đồng hồ nước đang được kiểm định để tái sử dụng	2.292.931.782	-
Tạm chia cổ tức	1.100.010.000	-
Phải thu người lao động	7.689.196.880	10.046.155.875
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	279.452.500	299.048.917
Ký cược, ký quỹ	22.500.000	238.400.000
Các khoản phải thu khác	88.743.851	158.665.375
Cộng	11.472.835.013	10.742.270.167
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng phải thu khác	11.477.835.013	10.747.270.167
Trong đó, phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	1.045.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36.361.573.990	1.764.534.564	(34.597.039.426)	35.830.524.358	1.913.041.929	(33.917.482.429)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	111.337.241.289	45.494.917.003	(65.842.324.286)	8.921.764.039	5.073.768	(8.916.690.271)
Phải thu khác	7.611.090.731	-	(7.611.090.731)	10.002.911.726	45.799.998	(9.957.111.728)
Cộng	155.309.906.010	47.259.451.567	(108.050.454.443)	54.755.200.123	1.963.915.695	(52.791.284.428)

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu khó đòi

	2022 VND	2021 VND
Số dư tại ngày đầu năm	(52.791.284.428)	(43.951.191.403)
Trích lập dự phòng trong năm	(28.865.745.528)	(8.840.093.025)
Ghi nhận dự phòng khi thoái vốn công ty con (i)	(28.741.593.429)	-
Hoàn nhập dự phòng	574.767.942	-
Giảm do thoái vốn công ty con	1.773.401.000	-
Số dư tại ngày cuối năm	(108.050.454.443)	(52.791.284.428)

(i) Công ty ghi nhận bổ sung chi phí dự phòng phải thu khó đòi phát sinh trước năm 2022 đối với khoản phải thu về cho vay Công ty Pleiku do thay đổi phương pháp hợp nhất công ty con sang công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.271.789.641	-	11.133.157.144	-
Công cụ, dụng cụ	1.316.091.780	-	1.391.946.580	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.467.777	-	5.045.908.854	-
Cộng	14.597.349.198	-	17.571.012.578	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	391.109.839	457.600.200
Chi phí bảo hiểm	20.619.563	117.833.509
Chi phí trả trước khác	585.390.333	473.540.537
Cộng	997.119.735	1.048.974.246
b. Dài hạn		
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	830.242.266	4.256.464.811
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	427.620.405	962.808.723
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.118.368.182	1.851.895.790
Chi phí trả trước dài hạn khác	982.192.560	654.600.297
Cộng	4.358.423.413	7.725.769.621
Tổng cộng chi phí trả trước	5.355.543.148	8.774.743.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	266.223.670.163	203.965.147.613	2.134.125.400.236	3.676.377.970	756.544.000	2.608.747.139.982
Mua trong năm	-	503.287.000	-	298.840.000	-	802.127.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	59.361.833	1.078.356.306	16.585.276.990	183.953.000	-	17.906.948.129
Giảm do thoái vốn trong công ty con (ii)	(23.214.702.953)	(46.192.588.165)	(97.358.913.078)	-	-	(166.766.204.196)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.326.924.003)	-	-	(10.326.924.003)
Tại ngày 31/12/2022	243.068.329.043	159.354.202.754	2.043.024.840.145	4.159.170.970	756.544.000	2.450.363.086.912
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	115.514.586.697	138.058.009.727	474.226.860.336	1.809.429.751	756.544.000	730.365.430.511
Khấu hao trong năm	10.249.014.395	4.299.511.703	72.879.618.397	583.594.492	-	88.011.738.987
Giảm do thoái vốn trong công ty con (ii)	(7.220.547.316)	(22.107.370.724)	(21.956.887.808)	-	-	(51.284.805.848)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.560.725.349)	-	-	(2.560.725.349)
Tại ngày 31/12/2022	118.543.053.776	120.250.150.706	522.588.865.576	2.393.024.243	756.544.000	764.531.638.301
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	150.709.083.466	65.907.137.886	1.659.898.539.900	1.866.948.219	-	1.878.381.709.471
Tại ngày 31/12/2022	124.525.275.267	39.104.052.048	1.520.435.974.569	1.766.146.727	-	1.685.831.448.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình** (tiếp theo)

(i) Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm là của Dự án đầu tư mở rộng, di dời hệ thống cấp nước cho thành phố Pleiku và các vùng lân cận và Đầu tư mở rộng Dự án Củ Chi.

(ii) Tài sản cố định hữu hình giảm trong kỳ do thoái vốn công ty con là Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (như đã trình bày tại Thuyết minh số V.22).

Tài sản cố định hữu hình của Công ty chủ yếu hình thành từ các dự án nước, trong đó bao gồm tài sản hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000.000 đồng, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.784.376.225.077 đồng, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.336.149.158.599 đồng và giai đoạn 2 là 448.227.066.478 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 45.729.481.199 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022: 40.474.096.866 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.20, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.784.376.225.077 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022: 1.962.035.547.802 đồng).

Ngoài ra, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia với tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 199.902.060.051 đồng và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 198.875.021.218 đồng đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay nợ của Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (công ty mẹ của Công ty) tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	2.769.700.000	8.690.347.210	11.460.047.210
Giảm do thoái vốn trong công ty con (i)	(2.769.700.000)	(4.723.346.819)	(7.493.046.819)
Tại ngày 31/12/2022	-	3.967.000.391	3.967.000.391
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	-	5.057.474.473	5.057.474.473
Khấu hao trong năm	-	560.536.907	560.536.907
Giảm do thoái vốn trong công ty con (i)	-	(3.936.122.325)	(3.936.122.325)
Tại ngày 31/12/2022	-	1.681.889.055	1.681.889.055
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	2.769.700.000	3.632.872.737	6.402.572.737
Tại ngày 31/12/2022	-	2.285.111.336	2.285.111.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định vô hình giảm trong kỳ do thoái vốn công ty con là Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Pleiku (như đã trình bày tại Thuyết minh số V.22).

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 107.800.000 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 154.192.120 đồng).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.20, Công ty đã sử dụng tài sản cố định vô hình để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định vô hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.760.000.000 đồng và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 9.253.046.819 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố Pleiku	1.710.048.670	133.761.818
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	983.498.397	238.905.197
Các dự án khác	2.000.000	48.879.492
Cộng	2.695.547.067	421.546.507

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	421.546.507	1.487.216.185
Chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước trong năm	20.223.553.538	7.558.781.724
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.430.459.296)	(8.624.389.602)
Giảm khác	(519.093.682)	(61.800)
Số dư cuối năm	2.695.547.067	421.546.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	119.659.788.611	109.498.752.910	119.659.788.611	62.295.346.530
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (ii)	44.100.000.000	(44.100.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	4.298.086.861	(4.298.086.861)	4.298.086.861	(4.298.086.861)
Cộng	168.057.875.472	61.100.666.049	123.957.875.472	57.997.259.669
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		229.158.541.521		181.955.135.141

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 777 tỷ đồng, được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền. Phương pháp và cách thức xác định giá trị hợp lý của Công ty dựa trên việc áp dụng tiệm cận chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và thông lệ quốc tế về giá trị hợp lý. Công ty đánh giá giá trị hợp lý cuối kỳ của khoản đầu tư này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị đầu kỳ. Công ty không xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này cho mục đích thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ của Công ty.

(ii) Như đã trình bày tại Thuyết minh V.22, ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng một phần vốn trong Công ty Pleiku dẫn đến mất quyền kiểm soát. Tại ngày này, Công ty Pleiku phát sinh khoản lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu, do đó giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết này được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết** (tiếp theo)

Trong năm, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết thay đổi như sau:

	2022 VND	2021 VND
Tại thời điểm đầu năm	181.955.135.141	176.421.890.468
Giá trị ghi nhận trong năm	47.203.406.380	5.533.244.673
- Tái cấu trúc từ công ty con thành công ty liên kết	-	-
- Lợi nhuận từ công ty liên kết	78.163.406.380	72.613.244.673
- Cổ tức được chia trong năm	(30.960.000.000)	(67.080.000.000)
Tại thời điểm cuối năm	229.158.541.521	181.955.135.141

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	143.153.395.000	-

Giá trị hợp lý của công ty này không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư này không có sẵn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng giá gốc khoản đầu tư là ước tính gần nhất (hoặc đại diện cho) giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Các khoản lãi chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Tại ngày 01/01/2021	260.190.000	-	260.190.000
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	260.190.000	-	260.190.000
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	-	-
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tại ngày 01/01/2021	-	15.673.577.895	15.673.577.895
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	3.894.740.790	3.894.740.790
Tại ngày 01/01/2022	-	19.568.318.685	19.568.318.685
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	(6.828.318.685)	(6.828.318.685)
Tại ngày 31/12/2022	-	12.740.000.000	12.740.000.000
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(6.828.318.685)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	9.582.666.912	-	9.662.042.939	-

15. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2022 và ngày 31/12/2022	60.073.074.001
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2022	43.015.383.801
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	6.021.750.652
Tại ngày 31/12/2022	49.037.134.453
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2022	17.057.690.200
Tại ngày 31/12/2022	11.035.939.548

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	18.966.462.431	18.966.462.431	15.286.822.162	15.286.822.162
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	759.753.900	759.753.900	5.016.431.700	5.016.431.700
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Hoàng Phúc	1.124.216.050	1.124.216.050	516.071.700	516.071.700
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	-	-	1.689.354.800	1.689.354.800
Các nhà cung cấp khác	5.629.230.879	5.629.230.879	6.474.566.438	6.474.566.438
Cộng	39.502.005.987	39.502.005.987	40.814.289.527	40.814.289.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm do thoái vốn trong công ty con (i)	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	327.452.000	-	61.806.000	-	389.258.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.837.859.088	-	-	-	9.837.859.088
Cộng	10.165.311.088	-	61.806.000	-	10.227.117.088
b. Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	-	1.218.748.922	1.145.991.316	-	72.757.606
Thuế thu nhập doanh nghiệp	805.042.174	2.431.824.806	1.628.828.625	-	1.608.038.355
Thuế thu nhập cá nhân	91.878.490	871.719.664	695.700.759	3.753.765	264.143.630
Thuế tài nguyên	66.570.409	761.609.766	754.325.673	10.484.518	63.369.984
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	116.061.811	116.061.811	-	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	546.680.803	1.082.551.000	1.623.826.500	-	5.405.303
Thuế bảo vệ môi trường	516.830.064	5.267.415.605	5.343.300.816	22.879.116	418.065.737
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	162.181.701	440.413.889	433.074.765	-	169.520.825
Cộng	2.189.183.641	12.190.345.463	11.741.110.265	37.117.399	2.601.301.440

(i) Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước giảm trong năm do thoái vốn công ty con là Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Pleiku (như đã trình bày tại Thuyết minh số V.22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.941.336.464	15.356.600.347
Chi phí nước thô	785.309.400	-
Chi phí điện sản xuất	340.015.900	-
Các khoản chi phí phải trả khác	366.630.907	1.939.833.693
Cộng	10.433.292.671	17.296.434.040

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	32.331.728.914	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho công ty mẹ	-	5.865.560.294
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Kinh phí công đoàn	26.768.000	54.373.200
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.800.000	38.800.000
Các khoản khác	129.161.966	22.022.766
Cộng	33.361.747.880	6.816.045.260
<i>Trong đó, phải trả cho bên liên quan</i>		
Công ty CII	-	5.865.560.294
Cộng	-	5.865.560.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán
		VND				VND
Khoản vay các bên khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam (i)	291.093.110.068	291.093.110.068	355.442.562.125	64.349.452.057	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	21.190.171.660	21.190.171.660	28.590.171.660	7.400.000.000	-	-
Vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-	-
Công ty CII (i)	-	-	1.500.000.000	281.442.562.125	279.942.562.125	279.942.562.125
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh b)	29.099.234.000	29.099.234.000	-	-	113.588.464.601	113.588.464.601
Cộng	360.382.515.728	360.382.515.728	404.532.733.785	353.192.014.182	393.531.026.726	393.531.026.726

(i) Ngày 1 tháng 4 năm 2022, Công ty đã kết chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả Công ty CII sang phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam theo biên bản xác nhận công nợ ba bên với số tiền tương ứng lần lượt là 281.442.562.125 đồng và 8.035.139.507 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (i)	500.217.606.012	500.217.606.012	-	79.020.000.000	579.237.606.012	579.237.606.012
Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.648.848.014	1.648.848.014	-	1.099.234.000	2.748.082.014	2.748.082.014
Ngân hàng VP Bank - CN TP.HCM (ii)	-	-	-	33.469.230.601	33.469.230.601	33.469.230.601
Trừ: Các khoản vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(29.099.234.000)	(29.099.234.000)	-	-	(113.588.464.601)	(113.588.464.601)
Cộng	472.767.220.026	472.767.220.026	-	113.588.464.601	501.866.454.026	501.866.454.026

(i) Ngày 24 tháng 5 năm 2022, Công ty đã gửi Công văn đến Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và được chấp nhận để chuyển giao quản lý các tài khoản tiền gửi, tiền vay, chuyển giao toàn bộ giao dịch của Công ty với Ngân hàng từ Chi nhánh 11 sang Chi nhánh KCN Biên Hòa.

(ii) Khoản vay giảm trong năm do thoái vốn công ty con là Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Pleiku (như đã trình bày tại Thuyết minh số V.22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)*Thông tin bổ sung cho các khoản vay*

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	291.093.110.068	12 tháng	23/05/2023	Lãi suất trong kỳ cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	21.190.171.660	3 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi và 409.114 cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức.
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	19.000.000.000	6 tháng	02/05/2023	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (i)	342.797.939.474	126 tháng	27/01/2031	Thả nổi, lãi suất trong năm từ 9,7% đến 10,2%	Phục vụ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi.
	157.419.666.538	180 tháng	28/06/2032	theo từng kế ước		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.648.848.014	216 tháng	01/06/2024	0%	Thực hiện Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai	Được bảo lãnh bởi Bộ tài chính, không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	29.099.234.000	113.588.464.601
Trong năm thứ hai	36.549.614.014	92.019.234.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	168.500.000.000	277.927.553.488
Sau năm năm	267.717.606.012	131.919.666.538
Cộng	501.866.454.026	615.454.918.627
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>(29.099.234.000)</u>	<u>(113.588.464.601)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>472.767.220.026</u>	<u>501.866.454.026</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	645.221.040.000	161.811.551.600	18.163.049.193	84.763.248	213.630.122.976	418.520.059.036	1.457.430.586.053
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(73.497.729.005)	(4.689.699.170)	(78.187.428.175)
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.646.000.000)	(2.646.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	375.175.915	-	(375.175.915)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(191.339.717)	(183.836.198)	(375.175.915)
Tại ngày 01/01/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	139.565.878.339	411.000.523.668	1.376.221.981.963
(Lỗi)/lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(88.973.641.241)	2.563.582.234	(86.410.059.007)
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	4.006.355.847	4.006.355.847
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(532.271.871)	(181.997.445)	(714.269.316)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(258.453.107)	(28.717.012)	(287.170.119)
Tại ngày 31/12/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	49.801.512.120	416.059.747.292	1.291.516.839.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.522.104	64.522.104
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.522.104
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.522.104	64.522.104
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.522.104
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty không chia cổ tức và trích lập quỹ năm 2021.

22. Ảnh hưởng của giao dịch thoái vốn công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát

Như đã trình bày tại Thuyết minh I - Cấu trúc doanh nghiệp, ngày 22 tháng 2 năm 2022, Công ty đã thoái một phần vốn góp trong Công ty Pleiku dẫn đến mất quyền kiểm soát, Công ty Pleiku trở thành công ty liên kết của Công ty. Ảnh hưởng của việc mất quyền kiểm soát đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ VND
Tiền	236.900.246
Các khoản phải thu ngắn hạn - giá trị thuần	1.121.134.356
Thuế GTGT được khấu trừ	502.651.154
Hàng tồn kho	202.756.339
Tài sản cố định hữu hình - giá trị thuần	115.481.398.347
Tài sản cố định vô hình - giá trị thuần	3.556.924.494
Chi phí trả trước	60.740.149
Phải trả người bán ngắn hạn	(548.851.262)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(37.117.399)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(45.553.590)
Phải trả ngắn hạn khác	(1.751.876.140)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(94.212.889.085)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(33.469.230.601)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4.006.355.847
Tài sản thuần có thể xác định được	(4.896.657.145)
Giá chuyển nhượng	2.700.000.000
Giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết	-
Lãi ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	7.596.657.145
<i>(Xem Thuyết minh VI.3)</i>	

Ngoài ra, Công ty đã ghi nhận bổ sung chi phí dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu về cho vay Công ty Pleiku phát sinh trước thời điểm mất quyền kiểm soát. Việc ghi nhận chi phí dự phòng nêu trên đã làm tăng khoản dự phòng phải thu khó đòi và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm với giá trị là 28.741.593.429 đồng (*xem thêm tại Thuyết minh số V.6 và VI.6*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	216.242.674.636	195.976.006.392
Doanh thu thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	8.393.682.394	6.576.701.329
Doanh thu bán hàng hóa	166.478.311	126.118.006
Cộng	224.802.835.341	202.678.825.727

2. Giá vốn hàng bán

	2022	2021
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	227.323.505.465	213.739.753.743
Giá vốn thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	5.650.396.327	4.491.066.839
Giá vốn bán hàng hóa	99.366.922	79.514.014
Cộng	233.073.268.714	218.310.334.596

Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	9.771.586.048	-
---	---------------	---

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Cổ tức được chia	42.415.192.000	76.080.508.000
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	7.596.657.145	1.214.431.885
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.389.959.185	429.557.641
Lãi chiết khấu thanh toán	390.509.713	-
Lãi chậm thanh toán	-	159.988.365
Cộng	51.792.318.043	77.884.485.891

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	30.960.000.000	67.080.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	402.497.263	-
Công ty CII	-	159.988.365
Cộng	31.362.497.263	67.239.988.365

4. Chi phí tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	82.175.322.239	86.293.814.487
Chi phí tài chính khác	356.331.409	23.577.413
Chi phí phát hành trái phiếu	-	759.300.005
Cộng	82.531.653.648	87.076.691.905

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty CII	8.064.579.213	28.158.979.541
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	359.178.082	-
Cộng	8.423.757.295	28.158.979.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.011.490.423	12.843.231.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	527.601.421	514.351.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	1.117.891.047	852.245.787
Cộng	16.656.982.891	14.209.828.413

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	16.946.266.857	17.471.556.053
Lợi thế thương mại phân bổ	6.021.750.652	6.021.750.648
Chi phí dự phòng nợ khó đòi (i)	50.030.673.319	8.283.915.709
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.825.357	65.249.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.163.062.987	1.522.937.778
Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	147.733.478	53.277.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.183.286.604	3.764.525.498
Các khoản chi phí khác	6.757.757.804	2.017.239.243
Cộng	83.285.357.058	39.200.451.611

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	651.325.832	80.238.690
--------------------------------------	-------------	------------

(i) Trong năm, Công ty ghi nhận bổ sung chi phí dự phòng phải thu khó đòi phát sinh trước năm 2022 đối với khoản phải thu về cho vay Công ty Pleiku do thay đổi phương pháp hợp nhất công ty con sang công ty liên kết như đã trình bày tại Thuyết minh V.22.

7. Thu nhập khác

	2022	2021
	VND	VND
Các khoản hỗ trợ di dời đường ống cấp nước	5.608.718.008	2.362.690.909
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	483.679.663	464.141.594
Các khoản thu nhập khác	4.720.748	9.188.410
Cộng	6.097.118.419	2.836.020.913

8. Chi phí khác

	2022	2021
	VND	VND
Xử lý số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không thể thu hồi	5.045.908.854	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	102.024.904	703.091.570
Xử lý tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.032.312.671
Các khoản chi phí khác	7.035.000	22.025
Cộng	5.154.968.758	1.735.426.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2022		2021	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	11.438.509.974	(102.245.062.860)	(2.815.732.764)	(68.784.422.823)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.919.220.472	111.064.754.283	14.929.400.950	74.602.928.469
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	(42.415.192.000)	-	(78.834.508.000)
<i>Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết</i>	-	(47.203.406.380)	-	(5.533.244.673)
<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	-	6.021.750.652	-	6.021.750.648
<i>Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất</i>	2.366.920.037	95.014.171.294	9.698.920.703	90.312.723.960
<i>Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất</i>	-	-	-	(764.319.793)
<i>Loại trừ lãi thoái vốn công ty con trên báo cáo hợp nhất</i>	-	(4.896.657.145)	-	-
<i>Ghi nhận bổ sung chi phí dự phòng phải thu khó đòi (i)</i>	-	28.741.593.429	-	-
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	(447.699.565)	75.802.494.433	5.230.480.247	63.400.526.327
Tổng thu nhập chịu thuế	13.357.730.446	8.819.691.423	12.113.668.186	5.818.505.646
Tổng thu nhập tính thuế	13.357.730.446	8.819.691.423	12.113.668.186	5.818.505.646
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế suất thuế thông thường	-	20%	-	20%
Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư (ii)	10%	-	10%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.335.773.045	1.763.938.283	1.211.366.819	1.163.701.129
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(667.886.522)	-	(605.683.410)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	-	-	-	662.957.260
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	667.886.523	1.763.938.283	605.683.409	1.826.658.389
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.431.824.806		2.432.341.798

(i) Công ty ghi nhận bổ sung chi phí dự phòng phải thu khó đòi phát sinh trước năm 2022 đối với khoản phải thu về cho vay Công ty Pleiku do thay đổi phương pháp hợp nhất công ty con sang công ty liên kết, như đã trình bày tại Thuyết minh V.6.

(ii) Hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành, cụ thể: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chịu thuế suất 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(88.973.641.241)	(73.497.729.005)
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	(88.973.641.241)	(73.497.729.005)
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	64.522.104	64.522.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.379)	(1.139)

10. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.175.046.953	87.982.888.333
Chi phí nhân công	41.849.904.560	41.306.260.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.502.120.303	95.598.203.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.516.605.025	27.999.722.335
Chi phí khác	39.649.841.855	28.979.839.337
Cộng	298.693.518.696	281.866.914.300

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 4 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, hoạt động bán hàng hóa (bán vật tư, thiết bị ngành nước), hoạt động thi công công trình, hoạt động tư vấn liên quan đến ngành nước và các dịch vụ khác. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động xử lý nước và cung cấp nước sạch: sản xuất nước sạch và bán sỉ, lẻ cho các hộ dân, khu công nghiệp;
- Hoạt động bán hàng hóa: thực hiện việc bán vật tư, thiết bị ngành nước kèm theo dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành;
- Hoạt động thi công, lắp đặt thiết bị: thi công, lắp đặt thiết bị nhà máy nước;
- Hoạt động tư vấn liên quan đến ngành nước và các dịch vụ khác: tư vấn giám sát và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch; lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng đường ống, đồng hồ nước cho người dân,

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	216.242.674.636	166.478.311	8.393.682.394	-	224.802.835.341
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	2.009.640.682	-	-	(2.009.640.682)	-
Tổng doanh thu	218.252.315.318	166.478.311	8.393.682.394	(2.009.640.682)	224.802.835.341
Giá vốn					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	227.323.505.465	99.366.922	5.650.396.327	-	233.073.268.714
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	2.090.571.546	-	-	(2.090.571.546)	-
Tổng chi phí	229.414.077.011	99.366.922	5.650.396.327	(2.090.571.546)	233.073.268.714
Kết quả kinh doanh bộ phận	(11.161.761.693)	67.111.389	2.743.286.067	80.930.864	(8.270.433.373)
Doanh thu hoạt động tài chính					51.792.318.043
Chi phí tài chính					82.531.653.648
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết					47.203.406.380
Chi phí bán hàng					16.656.982.891
Chi phí quản lý doanh nghiệp					83.285.357.058
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					(91.748.702.547)
Thu nhập khác					6.097.118.419
Chi phí khác					5.154.968.758
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.431.824.806
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(6.828.318.685)
Tổng lỗ sau thuế					(86.410.059.007)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	195.976.006.392	126.118.006	6.576.701.329	-	202.678.825.727
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	10.899.149.464	-	-	(10.899.149.464)	-
Tổng doanh thu	206.875.155.856	126.118.006	6.576.701.329	(10.899.149.464)	202.678.825.727
Giá vốn					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	213.739.753.743	79.514.014	4.491.066.839	-	218.310.334.596
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	12.126.215.787	-	-	(12.126.215.787)	-
Tổng chi phí	225.865.969.530	79.514.014	4.491.066.839	(12.126.215.787)	218.310.334.596
Kết quả kinh doanh bộ phận	(18.990.813.674)	46.603.992	2.085.634.490	1.227.066.323	(15.631.508.869)
Doanh thu hoạt động tài chính					77.884.485.891
Chi phí tài chính					87.076.691.905
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết					5.533.244.673
Chi phí bán hàng					14.209.828.413
Chi phí quản lý doanh nghiệp					39.200.451.611
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					(72.700.750.234)
Thu nhập khác					2.836.020.913
Chi phí khác					1.735.426.266
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.432.341.798
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					4.154.930.790
Tổng lợi nhuận sau thuế					(78.187.428.175)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai và tỉnh Lâm Đồng. Bộ phận tư vấn và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và bộ phận thi công, lắp đặt thiết bị được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động khác đều được thực hiện tại ba địa điểm kể trên. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh VND	Tỉnh Gia Lai VND	Tỉnh Lâm Đồng VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Bảng cân đối kế toán					
<i>Tại ngày 31/12/2022</i>					
Tài sản ngắn hạn	526.040.471.441	37.164.237.857	23.638.547.645	(449.784.928.695)	137.058.328.248
Tài sản dài hạn	1.717.859.630.214	286.521.134.688	93.368.131.986	(9.542.823.480)	2.088.206.073.408
Nợ phải trả	1.150.668.610.327	136.455.988.661	2.648.420.925	(356.025.457.625)	933.747.562.288
<i>Tại ngày 01/01/2022</i>					
Tài sản ngắn hạn	136.201.556.069	31.144.925.418	20.763.473.155	(73.282.464.309)	114.827.490.333
Tài sản dài hạn	1.744.833.894.284	288.523.354.607	100.528.259.195	111.795.346.530	2.245.680.854.616
Nợ phải trả	940.876.035.901	136.218.862.926	6.704.893.412	(99.513.429.253)	984.286.362.986
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>					
Doanh thu thuần	110.904.151.404	56.654.441.373	59.346.475.839	(2.102.233.275)	224.802.835.341
Giá vốn	146.949.595.328	46.251.791.236	41.974.115.425	(2.102.233.275)	233.073.268.714
Lợi nhuận gộp	(36.045.443.924)	10.402.650.137	17.372.360.414	-	(8.270.433.373)
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>					
Doanh thu thuần	92.624.546.686	64.052.732.062	56.900.696.443	(10.899.149.464)	202.678.825.727
Giá vốn	135.048.899.033	54.482.405.258	40.979.129.769	(12.200.099.464)	218.310.334.596
Lợi nhuận gộp	(42.424.352.347)	9.570.326.804	15.921.566.674	1.300.950.000	(15.631.508.869)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (i)	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc Công ty

(i) Trong kỳ, Công ty mẹ CII đã thoái một phần vốn, Công ty NBB từ công ty con trở thành công ty liên kết của CII.

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	1.500.000.000	170.400.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	3.373.608.150
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	5.895.000.000	20.667.391.850
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	19.000.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	359.178.082	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp		
Nhận tiền cổ tức	30.960.000.000	67.080.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	4.400.000.000	8.500.000.000
Giao dịch với Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê		
Lãi hỗ trợ vốn nhập gốc	297.050.449	822.644.478
Ông Lê Văn Nam		
Chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	2.700.000.000	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	1.207.548.500	969.000.000
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc	660.000.000	660.000.000
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	937.388.500	741.480.000
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm từ ngày 16/06/2022)	400.497.500	652.480.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính	875.988.500	360.403.491
Ông Alvin S. Evangelista	Giám đốc Kiểm soát Tài chính (miễn nhiệm từ ngày 20/10/2021)	-	495.000.000
Cộng		4.081.423.000	3.878.363.491

Trong năm, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

3. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2022 VND	2021 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	102.590.171.660	-
Tiền thu từ đi vay công ty mẹ	1.500.000.000	170.400.000.000
Tiền thu từ đi vay công ty trong cùng tập đoàn	19.000.000.000	-
	123.090.171.660	170.400.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	151.868.686.057	69.018.311.137
Tiền trả nợ gốc vay công ty mẹ	-	50.957.437.875
Tiền trả nợ gốc trái phiếu	-	85.000.000.000
	151.868.686.057	204.975.749.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**4. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các hợp đồng thuê không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	725.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	360.000.000	-
Cộng	1.085.000.000	-

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 50.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 1 năm tính từ năm 2021 và phụ lục gia hạn đến ngày 31 tháng 10 năm 2023.

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 928, Quốc lộ 22, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 5 năm và sẽ đến hạn ngày 1 tháng 7 năm 2025.

- Tổng số tiền thuê kho tại số 67 Nguyễn Văn Ni, tổ 10 khu phố 2, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 1 năm và được gia hạn hàng năm.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 11 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2023/SGW-NQ về việc chấp thuận giải thể Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN và Nghị quyết số 02/2023/SGW-NQ thông qua phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023